

Bản án số: 65/2019/DS-PT
Ngày 22-10-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Cảnh.

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng.

Bà Phạm Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huế là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DS-ST ngày 17-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm: 1980 - vắng mặt.

Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc D - có mặt.

Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1977- có mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thanh T2, sinh năm: 1976 - có mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người làm chứng: Anh Thông Huỳnh K- vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người kháng cáo: bị đơn anh Nguyễn Văn T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thanh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-12-2018 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

Ngày 30-5-2018, chị T cho anh Nguyễn Văn T1 vay số tiền 24.500.000 đồng để làm ăn, hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, anh T1 ký nhận tiền, có chữ ký của những người làm chứng anh Huỳnh Văn Đ và anh Thông Huỳnh K. Anh T1 có ký gửi lại chiếc xe máy hiệu Ablack, biển kiểm soát 48H1 01925, cà vẹt xe mang tên Nguyễn Văn T1; hạn trả tiền gốc và lãi là sau 03 tháng (tức ngày 30-8-2018). Đến hạn trả nợ, chị T nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng anh T1 không chịu trả. Do đó, chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 trả cho chị số tiền gốc là 24.500.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu về lãi suất.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai nhưng anh T1 không lên. Tại bản tự khai anh T1 thừa nhận số tiền nợ chị T và có gửi lại chiếc xe máy như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, anh T1 cho rằng chiếc xe máy này phía chị T đã làm hư hỏng nên đề nghị khấu trừ chiếc xe để trả hết số nợ còn lại cho chị T, không đồng ý lấy lại xe và anh cũng không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thanh T2 trình bày: chị T2 chung sống với anh Nguyễn Văn T1 như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Năm 2015, chị T2 vay chị T số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nhưng hàng tháng vẫn trả lãi. Đến tháng 11-2017, giữa chị T2 với chị T xảy ra mâu thuẫn, chị T yêu cầu chị T2 trả nợ. Ngày 30-5-2018, chị T2 trả được khoảng 70.000.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi, còn nợ lại 20.000.000 đồng, hẹn đến cuối năm 2018 trả đủ. Tuy nhiên, chị T không đồng ý nên anh T1 đứng ra nhận nợ cho chị T2. Hai bên đồng ý viết giấy nhận nợ số tiền 24.500.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 30-8-2018 và anh T1 gán cho chị T một chiếc xe máy hiệu Ablack. Tuy nhiên đến hạn trả tiền thì anh T1 và chị T2 không có khả năng trả nợ. Nay chị T khởi kiện thì đề nghị gán chiếc xe Ablack, biển kiểm soát 48H1-01925 của anh T1 để khấu trừ hết số tiền đang nợ chị T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 17-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 218, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, khoản 5, Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T đối với anh Nguyễn Văn T1.

1. Buộc anh Nguyễn Văn T1 và chị Hồ Thanh T2 phải trả cho chị Cao Thị T số tiền 24.500.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án.

Về lãi suất: Đình chỉ xét xử phần lãi suất do người khởi kiện rút yêu cầu.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29-7-2019, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thanh T2 làm đơn kháng cáo với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện các tình tiết, yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vi phạm tố tụng, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi pháp hợp của anh chị. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của anh chị, hủy bản án số 06/2019/DS-ST ngày 17-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1, chị Hồ Thanh T2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 17-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1, chị Hồ Thanh T2 làm trong thời hạn, đã nộp tiền tạm ứng án phí là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thanh T2 yêu cầu hủy bản án số 06/2019/DS-ST ngày 17-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông với lý do anh T1 vay tiền của chị T và có cầm lại 01 chiếc xe máy. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không đề cập gì đến tài sản là chiếc xe máy cả vệt xe mang tên Nguyễn Văn T1 là vi phạm tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T1.

[2.2] Xét thấy, nguyên đơn chị Cao Thị T có cho anh Nguyễn Văn T1 vay số tiền 24.500.000 đồng, thỏa thuận về lãi suất, thời hạn phải thanh toán là đúng sự thật đã được phía anh T1 thừa nhận. Theo giấy vay thì thời hạn thanh toán là ngày 30-8-2018 nhưng anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, anh T1 đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[2.3] Đối với chiếc xe máy của anh T1, tại giấy vay tiền đề ngày 30-5-2018 anh T1 viết “...*tôi cầm gửi (l) chiếc xe gắn máy mang biển số 48-H1-01925*” ngoài ra không viết thêm gì về nội dung khác đối với việc xử lý chiếc xe máy này. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu anh T1 trả lại số tiền vay 24.500.000đ, còn về chiếc xe máy anh T1 gửi thì yêu cầu anh T1 đến lấy về. Xét thấy, phía anh T1 cho rằng khi vay tiền để đảm bảo số tiền vay, khi đến thời hạn mà bị đơn không trả được thì bên vay có quyền bán chiếc xe máy hiệu Air blade, biển kiểm soát 48H1-01925 để khấu trừ số tiền vay nhưng trong giấy vay không thể hiện có sự thỏa thuận này, anh T1 cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn T1 không có yêu cầu phản tố đối với chiếc xe máy nên không có căn cứ hủy bản án sơ thẩm như nội dung kháng cáo của anh T1, chị T2. Anh T1, chị T2 có quyền khởi kiện một vụ án khác để giải quyết đối với chiếc xe máy. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu về việc xử lý chiếc xe máy hiệu Air blade, biển kiểm soát 48H1-01925 đứng tên anh Nguyễn Văn T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thanh T2 không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án số 06/2019/DS-ST ngày 17-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn T1, chị Hồ Thanh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng anh T1, chị T2 đã nộp theo biên lai số 0001599 ngày 30-7-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1, chị Hồ Thanh T2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 17-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 218, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, khoản 5, Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T đối với anh Nguyễn Văn T1, chị Hồ Thanh T2.

1. Buộc anh Nguyễn Văn T1 và chị Hồ Thanh T2 phải trả cho chị Cao Thị T số tiền 24.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về lãi suất: Đình chỉ xét xử phần lãi suất do người khởi kiện rút yêu cầu.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn T1, chị Hồ Thanh T2 phải chịu 1.225.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Cao Thị T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 612.000 đồng anh Trần Quốc D đã nộp thay theo biên lai số 0004648 ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí phúc thẩm: áp dụng khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn T1, chị Hồ Thanh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng anh T1, chị T2 đã nộp theo biên lai số 0001599 ngày 30-7-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh